

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 30 – 3 - 2023

V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Sương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Anh
2. Ông Hồ Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 669/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Đăng B**, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà **Hoàng Lê Cát T**, sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S 1, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng B trình bày: Ông và bà Hoàng Lê Cát T tự nguyện kết hôn vào năm 2019 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Trước đó, ông bà đều đã có vợ, có chồng và có con riêng nhưng đã ly hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống ông bà không có hạnh phúc, mà thường nảy sinh bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; cả hai không có công việc, thu nhập ổn định; mỗi bên còn phải lo cho con riêng

của mình nên nhiều áp lực trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xích mích. Tháng 10/2022, bà T đã dọn hết đồ đạc về nhà tại xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai sinh sống; vợ chồng ly thân từ đó đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay ông không còn tình cảm gì với bà T nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên ông B không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hoàng Lê Cát T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà T vắng mặt không có lý do; Bà T cũng không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp lời khai và các tài liệu, chứng cứ cũng như yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng B.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Đăng B được ly hôn với bà Hoàng Lê Cát T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Đăng B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Hoàng Lê Cát T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng B và bà Hoàng Lê Cát T tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký tại Ủy ban nhân xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, ông bà thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Ông B cho rằng sau khi kết hôn, ông bà không có hạnh phúc, mà thường nảy sinh bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; cả hai không có công việc, thu nhập ổn định; mỗi bên còn phải lo cho con riêng của mình nên nhiều áp lực trong cuộc sống, dẫn vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xích mích. Từ tháng 10/2022 cho đến nay ông bà không còn chung sống với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay ông không còn tình cảm gì với bà T nên yêu cầu được ly hôn. Theo kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: thời gian ông Nguyễn Đăng B và bà Hoàng Lê Cát T sinh sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn hay không thì ban áp không biết vì không báo với ban áp; hiện tại hai người không có con

chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bà T để làm việc, nhưng bà T đều vắng mặt không lý do; ngày 10/02/2023, bà T có đến Tòa án để làm việc nhưng không trình bày ý kiến, không để Tòa án lấy lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Quang. Qua đó, cho thấy bà T bỏ mặc, thờ ơ trong quan hệ hôn nhân với ông B.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Như vậy, bà T và ông B đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông B trình bày không có; bà T không có lời khai, không có văn bản yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí: Ông B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng B.

1. Chấp nhận cho ông Nguyễn Đăng B được ly hôn với bà Hoàng Lê Cát T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 119/2019 ngày 18/10/2019 do Ủy ban nhân dân xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Đăng B và bà Hoàng Lê Cát T không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đăng B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006934 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND [phường, xã, thị trấn](#);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Sương